

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

Số: 32/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 13 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025
trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc
hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022
của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021 - 2025;*

*Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về
việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Bộ,
cơ quan ở Trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ
nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn
2021 - 2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-
BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử
dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các
chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;*

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2025 sau sắp xếp;

Xét Tờ trình số 0391/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp) (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 120/BC-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp), với số tiền 139.046 triệu đồng; trong đó, ngân sách trung ương 123.346 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng 15.700 triệu đồng (*Kèm theo Phụ lục I và Phụ lục II*).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2025. Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2025; Nghị quyết số 16/NQ-

HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và sửa đổi, bổ sung các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (nguồn vốn sự nghiệp) thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
Phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp)
(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	I=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ		123.346,0	64.548,0	58.798,0	123.346,0	(123.346,0)	123.346,0	31.057,0	6.063,0	7.322,0	78.904,0		
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (theo Quyết định số 353/QĐ/TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	10471	1.800,0	1.800,0	-	1.800,0	(1.800,0)	1.800,0				1.800,0		
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		1.800,0	1.800,0		1.800,0	(1.800,0)	1.800,0				1.800,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan quản lý chung	
-	Xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi		300,0	300,0			(300,0)						UBND huyện Đầm Dơi	
-	Xã Thanh Tùng		-			300,0		300,0				300,0	UBND xã Thanh Tùng	
-	Xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi		300,0	300,0			(300,0)						UBND huyện Đầm Dơi	
-	Xã Quách Phẩm		-			300,0		300,0				300,0	UBND xã Quách Phẩm	
-	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh		300,0	300,0			(300,0)						UBND huyện U Minh	
-	Xã Khánh Thuận, huyện U Minh		300,0	300,0			(300,0)							
-	Xã Nguyễn Phích		-			600,0		600,0				600,0	UBND xã Nguyễn Phích	
-	Xã Khánh Lâm, huyện U Minh		300,0	300,0			(300,0)						UBND huyện U Minh	
-	Xã Khánh Lâm		-			300,0		300,0				300,0	UBND xã Khánh Lâm	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	I=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
-	Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển		300,0	300,0			(300,0)						UBND Huyện Ngọc Hiển	
-	Xã Đất Mũi		-			300,0		300,0				300,0	UBND xã Đất Mũi	
II	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	10472	44.528,0	22.610,0	21.918,0	44.528,0	(44.528,0)	44.528,0				44.528,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan quản lý chung	
-	Thành phố Cà Mau		1.789,0	1.789,0			(1.789,0)						UBND Thành phố Cà Mau	
-	Phường An Xuyên		-			447,3		447,3				447,3	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Phường Lý Văn Lâm		-			447,3		447,3				447,3		
-	Phường Tân Thành		-			447,2		447,2				447,2		
-	Phường Hòa Thành		-			447,2		447,2				447,2		
-	Huyện Thới Bình		2.713,0	2.713,0			(2.713,0)						UBND Huyện Thới Bình	
-	Xã Thới Bình		-			363,0		363,0				363,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Trí Phải		-			300,0		300,0				300,0		
-	Xã Tân Lộc		-			850,0		850,0				850,0		
-	Xã Hồ Thị Kỳ		-			300,0		300,0				300,0		
-	Xã Biển Bạch		-			900,0		900,0				900,0		
-	Huyện U Minh		4.264,0	4.264,0			(4.264,0)						UBND Huyện U Minh	
-	Xã U Minh		-			400,0		400,0				400,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Nguyễn Phích		-			1.964,0		1.964,0				1.964,0		
-	Xã Khánh Lâm		-			1.500,0		1.500,0				1.500,0		
-	Xã Khánh An		-			400,0		400,0				400,0		
-	Huyện Đầm Dơi		4.174,0	4.174,0			(4.174,0)						UBND Huyện Đầm Dơi	
-	Xã Tân Thuận		-			621,8		621,8				621,8	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Tân Tiến		-			690,0		690,0				690,0		
-	Xã Tà An Khương		-			621,8		621,8				621,8		
-	Xã Trần Phán		-			300,0		300,0				300,0		
-	Xã Thanh Tùng		-			621,7		621,7				621,7		

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
-	Xã Đầm Dơi		-			621,7		621,7				621,7		
-	Xã Quách Phẩm		-			697,0		697,0				697,0		
-	Huyện Trần Văn Thời		2.235,0	2.235,0			(2.235,0)						UBND Huyện Trần Văn Thời	
-	Xã Khánh Bình		-			447,0		447,0				447,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Đá Bạc		-			447,0		447,0				447,0		
-	Xã Khánh Hưng		-			447,0		447,0				447,0		
-	Xã Sông Đốc		-			447,0		447,0				447,0		
-	Xã Trần Văn Thời		-			447,0		447,0				447,0		
-	Huyện Phú Tân		1.431,0	1.431,0			(1.431,0)						UBND Huyện Phú Tân	
-	Xã Cái Đôi Vàm		-			431,0		431,0				431,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Nguyễn Việt Khái		-			600,0		600,0				600,0		
-	Xã Phú Tân		-			200,0		200,0				200,0		
-	Xã Phú Mỹ		-			200,0		200,0				200,0		
-	Huyện Cái Nước		1.860,0	1.860,0			(1.860,0)						UBND Huyện Cái Nước	
-	Xã Lương Thế Trân		-			-		-				-	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Tân Hưng		-			1.120,0		1.120,0				1.120,0		
-	Xã Hưng Mỹ		-			740,0		740,0				740,0		
-	Xã Cái Nước		-			-		-				-		
-	Huyện Năm Căn		1.312,0	1.312,0			(1.312,0)						UBND Huyện Năm Căn	
-	Xã Đất Mới		-			437,3		437,3				437,3	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Năm Căn		-			437,3		437,3				437,3		
-	Xã Tam Giang		-			437,4		437,4				437,4		
-	Huyện Ngọc Hiển		2.832,0	2.832,0			(2.832,0)						UBND Huyện Ngọc Hiển	
-	Xã Phan Ngọc Hiển		-			1.105,0		1.105,0				1.105,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Đất Mũi		-			1.005,0		1.005,0				1.005,0		
-	Xã Tân Ân		-			722,0		722,0				722,0		

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	I=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu				3.153,0		(3.153,0)	-					UBND Thành phố Bạc Liêu	
-	Phường Bạc Liêu					1.051,0		1.051,0				1.051,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Phường Vĩnh Trạch					1.051,0		1.051,0				1.051,0		
-	Phường Hiệp Thành					1.051,0		1.051,0				1.051,0		
-	UBND huyện Vĩnh Lợi				2.742,0		(2.742,0)	-					UBND huyện Vĩnh Lợi	
-	Xã Vĩnh Lợi					914,0		914,0				914,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Hưng Hội					914,0		914,0				914,0		
-	Xã Châu Thới					914,0		914,0				914,0		
-	UBND huyện Hòa Bình				2.742,0		(2.742,0)	-					UBND huyện Hòa Bình	
-	Xã Hòa Bình					914,0		914,0				914,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Mỹ					914,0		914,0				914,0		
-	Xã Vĩnh Hậu					914,0		914,0				914,0		
-	UBND huyện Phước Long				2.742,0		(2.742,0)	-					UBND huyện Phước Long	
-	Xã Phước Long					685,5		685,5				685,5	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Phước					685,5		685,5				685,5		
-	Xã Phong Hiệp					685,5		685,5				685,5		
-	Xã Vĩnh Thanh					685,5		685,5				685,5		
-	UBND huyện Hồng Dân				3.153,0		(3.153,0)	-					UBND huyện Hồng Dân	
-	Xã Hồng Dân					788,2		788,2				788,2	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Lộc					788,2		788,2				788,2		
-	Xã Ninh Thạnh Lợi					788,3		788,3				788,3		
-	Xã Ninh Quới					788,3		788,3				788,3		
-	UBND huyện Đông Hải				4.233,0		(4.233,0)	-					UBND huyện Đông Hải	UBND Huyện Đông Hải cũ được giao 4.223 triệu đồng, trong đó đã sử dụng: 2.123,6 triệu đồng; số phân bổ cho các xã sau hợp nhất 2.109,4
-	Số UBND huyện Đông Hải đã sử dụng					2.123,6		2.123,6				2.123,6	Sở Tài chính (Chuyển đổi số liệu NSNN khi thực hiện CQĐP 02 cấp)	
-	Xã Gành Hào					421,9		421,9				421,9	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Định Thành					421,9		421,9				421,9		
-	Xã An Trạch					421,9		421,9				421,9		

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và đạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	I=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
-	Xã Long Điền					421,9		421,9				421,9		
-	Xã Đông Hải					421,8		421,8				421,8		
-	UBND Thị Xã Giá Rai				3.153,0		(3.153,0)	-					UBND Thị Xã Giá Rai	
-	Phường Giá Rai					1.347,0		1.347,0				1.347,0		
-	Phường Láng Tròn					1.044,0		1.044,0				1.044,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Phong Thạnh					762,0		762,0				762,0		
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	10473	25.671,0	13.762,0	11.909,0	25.671,0	(25.671,0)	25.671,0	-	-	7.322,0	18.349,0		
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		18.349,0	9.317,0	9.032,0	18.349,0	(18.349,0)	18.349,0	-	-	-	18.349,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan quản lý chung	
-	Thành phố Cà Mau		773,0	773,0			(773,0)						UBND Thành phố Cà Mau	
-	Phường An Xuyên					193,2		193,2				193,2		
-	Phường Lý Văn Lâm					193,2		193,2				193,2	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Phường Tân Thành					193,3		193,3				193,3		
-	Phường Hòa Thành					193,3		193,3				193,3		
-	Huyện Thới Bình		1.172,0	1.172,0			(1.172,0)						UBND Huyện Thới Bình	
-	Xã Thới Bình					-		-				-		
-	Xã Trí Phải					586,0		586,0				586,0		
-	Xã Tân Lộc					586,0		586,0				586,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Hồ Thị Kỳ					-		-				-		
-	Xã Biển Bạch					-		-				-		
-	Huyện U Minh		2.000,0	2.000,0			(2.000,0)	-					UBND Huyện U Minh	
-	Xã U Minh					300,0		300,0				300,0		
-	Xã Nguyễn Phích					800,0		800,0				800,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Khánh Lâm					750,0		750,0				750,0		
-	Xã Khánh An					150,0		150,0				150,0		
-	Huyện Đầm Dơi		1.551,0	1.551,0			(1.551,0)	-					UBND Huyện Đầm Dơi	
-	Xã Tân Thuận					258,0		258,0				258,0		
-	Xã Tân Tiến					258,0		258,0				258,0		

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
-	Xã Tạ An Khương					193,5		193,5				193,5	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Trần Phán					193,5		193,5				193,5		
-	Xã Thanh Tùng					193,5		193,5				193,5		
-	Xã Đầm Dơi					193,5		193,5				193,5		
-	Xã Quách Phẩm					261,0		261,0				261,0		
-	Huyện Trần Văn Thời		618,0	618,0			(618,0)	-					UBND Huyện Trần Văn Thời	
-	Xã Đá Bạc					309,0		309,0				309,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Khánh Hưng					309,0		309,0				309,0		
-	Huyện Phú Tân		618,0	618,0			(618,0)	-					UBND Huyện Phú Tân	
-	Xã Cái Đôi Vàm					290,0		290,0				290,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Nguyễn Việt Khái					328,0		328,0				328,0		
-	Huyện Cái Nước		804,0	804,0			(804,0)	-					UBND Huyện Cái Nước	
-	Xã Lương Thế Trân					804,0		804,0				804,0	UBND xã Lương Thế Trân	
-	Huyện Năm Căn		557,0	557,0			(557,0)	-					UBND Huyện Năm Căn	
-	Xã Đất Mới					185,7		185,7				185,7	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Năm Căn					185,7		185,7				185,7		
-	Xã Tam Giang					185,6		185,6				185,6		
-	Huyện Ngọc Hiển		1.224,0	1.224,0			(1.224,0)	-					UBND Huyện Ngọc Hiển	
-	Xã Phan Ngọc Hiển					478,0		478,0				478,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Đất Mũi					435,0		435,0				435,0		
-	Xã Tân Ân					311,0		311,0				311,0		
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		1.300,0		1.300,0		(1.300,0)	-					UBND Thành phố Bạc Liêu	
-	Phường Bạc Liêu					433,3		433,3				433,3	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Phường Vĩnh Trạch					433,3		433,3				433,3		
-	Phường Hiệp Thành					433,4		433,4				433,4		
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		1.130,0		1.130,0		(1.130,0)	-					UBND huyện Vĩnh Lợi	
-	Xã Vĩnh Lợi					376,6		376,6				376,6	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Hưng Hội					376,7		376,7				376,7		

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
-	Xã Châu Thới					376,7		376,7				376,7		
-	UBND huyện Hòa Bình		1.130,0		1.130,0		(1.130,0)	-					UBND huyện Hòa Bình	
-	Xã Hòa Bình					376,6		376,6				376,6	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Mỹ					376,7		376,7				376,7		
-	Xã Vĩnh Hậu					376,7		376,7				376,7		
-	UBND huyện Phước Long		1.130,0		1.130,0		(1.130,0)	-					UBND huyện Phước Long	
-	Xã Phước Long					282,5		282,5				282,5	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Phước					282,5		282,5				282,5		
-	Xã Phong Hiệp					282,5		282,5				282,5		
-	Xã Vĩnh Thanh					282,5		282,5				282,5		
-	UBND huyện Hồng Dân		1.300,0		1.300,0		(1.300,0)	-					UBND huyện Hồng Dân	
-	Xã Hồng Dân					325,0		325,0				325,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Lộc					325,0		325,0				325,0		
-	Xã Ninh Thạnh Lợi					325,0		325,0				325,0		
-	Xã Ninh Quới					325,0		325,0				325,0		
-	UBND huyện Đông Hải		1.742,0		1.742,0		(1.742,0)	-					UBND huyện Đông Hải	
-	Xã Gành Hào					348,4		348,4				348,4	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Định Thành					348,4		348,4				348,4		
-	Xã An Trạch					348,4		348,4				348,4		
-	Xã Long Điền					348,4		348,4				348,4		
-	Xã Đông Hải					348,4		348,4				348,4		
-	UBND Thị Xã Giá Rai		1.300,0		1.300,0		(1.300,0)	-					UBND Thị Xã Giá Rai	
-	Phường Giá Rai					691,0		691,0				691,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Phường Láng Tròn					609,0		609,0				609,0		
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng		7.322,0	4.445,0	2.877,0	7.322,0	(7.322,0)	7.322,0	-	-	7.322,0	-		
-	Sở Y tế tỉnh Cà Mau chủ trì, phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố để thực hiện		4.445,0	4.445,0			(4.445,0)						Sở Y tế tỉnh Cà Mau	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		384,2		384,2		(384,2)						Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		334,1		334,1		(334,1)							
-	UBND huyện Hòa Bình		334,1		334,1		(334,1)							
-	UBND huyện Phước Long		334,1		334,1		(334,1)							
-	UBND huyện Hồng Dân		384,2		384,2		(384,2)							
-	UBND huyện Đông Hải		434,4		434,4		(434,4)							
-	UBND Thị Xã Giá Rai		384,2		384,2		(384,2)							
-	Sở Y tế tỉnh Bạc Liêu		287,7		287,7		(287,7)						Sở Y tế tỉnh Bạc Liêu	
-	Sở Y tế tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp)		-			7.322,0		7.322,0			7.322,0		Sở Y tế chủ trì thực hiện Tiểu dự án tại 64 xã, phường trên địa bàn tỉnh	
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	10474	33.953,0	17.398,0	16.555,0	33.953,0	(33.953,0)	33.953,0	19.726,0	-	-	14.227,0		
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		19.726,0	9.946,0	9.780,0	19.726,0	(19.726,0)	19.726,0	19.726,0	-	-	-		
-	Thành phố Cà Mau		888,0	888,0			(888,0)						Hỗ trợ ngân sách cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện	
-	Huyện Thới Bình		1.218,0	1.218,0			(1.218,0)							
-	Huyện U Minh		1.459,0	1.459,0			(1.459,0)							
-	Huyện Đầm Dơi		1.395,0	1.395,0			(1.395,0)							
-	Huyện Trần Văn Thời		1.091,0	1.091,0			(1.091,0)							
-	Huyện Phú Tân		863,0	863,0			(863,0)							
-	Huyện Cái Nước		939,0	939,0			(939,0)							
-	Huyện Năm Căn		812,0	812,0			(812,0)							
-	Huyện Ngọc Hiển		1.281,0	1.281,0			(1.281,0)							
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		1.340,0		1.340,0		(1.340,0)						Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		1.310,0		1.310,0		(1.310,0)							
-	UBND huyện Hòa Bình		1.310,0		1.310,0		(1.310,0)							
-	UBND huyện Phước Long		1.370,0		1.370,0		(1.370,0)							
-	UBND huyện Hồng Dân		1.450,0		1.450,0		(1.450,0)							
-	UBND huyện Đông Hải		1.600,0		1.600,0		(1.600,0)							

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	I=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
-	UBND Thị Xã Giá Rai		1.400,0		1.400,0		(1.400,0)							
-	Số UBND huyện Đông Hải đã sử dụng					253,0		253,0	253,0				Sở Tài chính (Chuyển đổi sổ liệu NSNN khi thực hiện CQĐP 02 cấp)	UBND Huyện Đông Hải cũ được giao 1.600 triệu đồng, trong đó đã sử dụng: 253 triệu đồng; số còn lại phân bổ cho các xã sau hợp nhất 1.347
-	Sở Giáo dục và Đào tạo		-			19.473,0		19.473,0	19.473,0				Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện tại 64 xã, phường trên địa bàn tỉnh	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		436,0	436,0	-	436,0	(436,0)	436,0	-	-	-	436,0		
-	Huyện U Minh		160,0	160,0			(160,0)						Sở Nội vụ (Trung tâm Dịch vụ việc làm) chủ trì; UBND các huyện phối hợp thực hiện	
-	Huyện Đầm Dơi		140,0	140,0			(140,0)							
-	Huyện Ngọc Hiển		136,0	136,0			(136,0)							
-	Xã Nguyễn Phích					106,6		106,6				106,6	Sở Nội vụ (Trung tâm Dịch vụ việc làm) chủ trì; UBND các xã phối hợp thực hiện	
-	Xã Khánh Lâm					53,4		53,4				53,4		
-	Xã Thanh Tùng					70,0		70,0				70,0		
-	Xã Quách Phẩm					70,0		70,0				70,0		
-	Xã Đất Mũi					136,0		136,0				136,0		
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		13.791,0	7.016,0	6.775,0	13.791,0	(13.791,0)	13.791,0	-	-	-	13.791,0		
-	Sở Nội vụ Cà Mau chủ trì; UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện		7.016,0	7.016,0			(7.016,0)						Sở Nội vụ Cà Mau chủ trì; UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		706,0		706,0		(706,0)						Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		483,0		483,0		(483,0)							
-	UBND huyện Hòa Bình		706,0		706,0		(706,0)							
-	UBND huyện Phước Long		706,0		706,0		(706,0)							
-	UBND huyện Hồng Dân		600,0		600,0		(600,0)							
-	UBND huyện Đông Hải		838,0		838,0		(838,0)							
-	UBND Thị Xã Giá Rai		706,0		706,0		(706,0)							
-	Sở Nội vụ Bạc Liêu		2.030,0		2.030,0		(2.030,0)						Sở Nội vụ Bạc Liêu	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	I=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
-	Sở Nội vụ Cà Mau (sau sắp xếp)		-			13.791,0		13.791,0				13.791,0	Sở Nội vụ chủ trì; UBND các xã, phường phối hợp thực hiện	
V	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	10476	6.063,0	4.220,0	1.843,0	6.063,0	(6.063,0)	6.063,0	-	6.063,0	-	-		
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin		3.046,0	2.776,0	270,0	3.046,0	(3.046,0)	3.046,0	-	3.046,0	-	-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện	
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cà Mau chủ trì; UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện		2.776,0	2.776,0			(2.776,0)						Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cà Mau chủ trì; UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		27,2	27,2			(27,2)						Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		23,6	23,6			(23,6)							
-	UBND huyện Hòa Bình		23,6	23,6			(23,6)							
-	UBND huyện Phước Long		23,6	23,6			(23,6)							
-	UBND huyện Hồng Dân		27,2	27,2			(27,2)							
-	UBND huyện Đông Hải		36,6	36,6			(36,6)							
-	UBND Thị Xã Giá Rai		27,2	27,2			(27,2)							
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bạc Liêu		81,0	81,0			(81,0)						Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bạc Liêu	
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cà Mau (sau sắp xếp)		-			3.046,0		3.046,0		3.046,0			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; UBND các xã, phường phối hợp thực hiện	
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		3.017,0	1.444,0	1.573,0	3.017,0	(3.017,0)	3.017,0	-	3.017,0	-	-		
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện		1.444,0	1.444,0			(1.444,0)						Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		147,0	147,0			(147,0)						Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		128,0	128,0			(128,0)							
-	UBND huyện Hòa Bình		128,0	128,0			(128,0)							
-	UBND huyện Phước Long		128,0	128,0			(128,0)							
-	UBND huyện Hồng Dân		147,0	147,0			(147,0)							
-	UBND huyện Đông Hải		197,5	197,5			(197,5)							

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	I=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	I1	
-	UBND Thị Xã Giá Rai		147,0		147,0		(147,0)							
-	Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025		550,5		550,5		(550,5)						Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025	
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường					3.017,0		3.017,0		3.017,0			Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND xã, phường phối hợp thực hiện	
VI	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình	10477	11.331,0	4.758,0	6.573,0	11.331,0	(11.331,0)	11.331,0	11.331,0	-	-	-		
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		8.253,0	3.758,0	4.495,0	8.253,0	(8.253,0)	8.253,0	8.253,0	-	-	-		
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng thường trực Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững)		3.758,0	3.758,0			(3.758,0)						Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng thường trực Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững)	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		323,3	323,3			(323,3)						Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		281,2	281,2			(281,2)							
-	UBND huyện Hòa Bình		281,2	281,2			(281,2)							
-	UBND huyện Phước Long		281,2	281,2			(281,2)							
-	UBND huyện Hồng Dân		323,3	323,3			(323,3)							
-	UBND huyện Đông Hải		434,0	434,0			(434,0)							
-	UBND Thị Xã Giá Rai		323,3	323,3			(323,3)							
-	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025		2.247,5		2.247,5		(2.247,5)						Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025	
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường					8.253,0		8.253,0	8.253,0				Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND xã, phường phối hợp thực hiện	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp				Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	9	10	11	
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá		3.078,0	1.000,0	2.078,0	3.078,0	(3.078,0)	3.078,0	3.078,0	-	-	-		
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng thường trực Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững)		1.000,0	1.000,0			(1.000,0)	-					Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng thường trực Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững)	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		149,5		149,5		(149,5)						Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		130,0		130,0		(130,0)							
-	UBND huyện Hòa Bình		130,0		130,0		(130,0)							
-	UBND huyện Phước Long		130,0		130,0		(130,0)							
-	UBND huyện Hồng Dân		149,5		149,5		(149,5)							
-	UBND huyện Đông Hải		200,5		200,5		(200,5)							
-	UBND Thị Xã Giá Rai		149,5		149,5		(149,5)							
-	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025		1.039,0		1.039,0		(1.039,0)						Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025	
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường					3.078,0		3.078,0	3.078,0				Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND xã, phường phối hợp thực hiện	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

Phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách địa phương đối ứng
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp)

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Các hoạt động kinh tế	Chi thường xuyên khác		
A	B	C	I=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	I1	
	TỔNG SỐ		15.700,0	6.878,0	8.822,0	15.700,0	(15.700,0)	15.700,0	6.878,0	8.822,0		
I	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	20472	10.165,8	6.878,0	3.287,8	10.165,8	(10.165,8)	10.165,8	6.878,0	3.287,8	Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan quản lý chung	
-	Huyện Đầm Dơi		-								UBND Huyện Đầm Dơi	
+	Xã Tân Thuận		574,0	574,0			(574,0)					
+	Xã Thanh Tùng		573,0	573,0			(573,0)					
+	Xã Nguyễn Huân		574,0	574,0			(574,0)					
-	Xã Tân Thuận					574,0		574,0	574,0		Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Tân Tiến					574,0		574,0	574,0			
-	Xã Thanh Tùng					573,0		573,0	573,0			
-	Huyện Thới Bình										UBND Huyện Thới Bình	
+	Xã Hồ Thị Kỳ			573,0			(573,0)					
+	Xã Biển Bạch			573,0			(573,0)					
+	Xã Thới Bình			573,0			(573,0)					
+	Xã Tân Lộc Bắc			573,0			(573,0)				Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Thới Bình					573,0		573,0	573,0			
-	Xã Tân Lộc					573,0		573,0	573,0			
-	Xã Hồ Thị Kỳ					573,0		573,0	573,0			
-	Xã Biển Bạch					573,0		573,0	573,0		UBND Huyện U Minh	
-	Huyện U Minh											
+	Xã Khánh Hòa		573,0	573,0			(573,0)					
+	Xã Khánh Tiến		573,0	573,0			(573,0)					
-	Xã U Minh					1.146,0		1.146,0	1.146,0		UBND xã U Minh	
-	Huyện Trần Văn Thời										UBND Huyện Trần Văn Thời	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Các hoạt động kinh tế	Chi thường xuyên khác		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	11	
+	Xã Khánh Bình Tây Bắc		573,0	573,0			(573,0)				UBND Huyện Trần Văn Thời	
-	Xã Đá Bạc					573,0		573,0	573,0		UBND xã Đá Bạc	
-	Huyện Năm Căn										UBND Huyện Năm Căn	
+	Xã Tam Giang Đông			573,0			(573,0)					
+	Thị trấn Năm Căn			573,0			(573,0)					
-	Xã Năm Căn					573,0		573,0	573,0		UBND xã Năm Căn	
-	Xã Tam Giang					573,0		573,0	573,0		UBND xã Tam Giang	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu				473,0		(473,0)	-			UBND Thành phố Bạc Liêu	
-	Phường Bạc Liêu					157,7		157,7		157,7	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Phường Vĩnh Trạch					157,7		157,7		157,7		
-	Phường Hiệp Thành					157,6		157,6		157,6		
-	UBND huyện Vĩnh Lợi				411,3		(411,3)	-			UBND huyện Vĩnh Lợi	
-	Xã Vĩnh Lợi					137,1		137,1		137,1	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Hưng Hội					137,1		137,1		137,1		
-	Xã Châu Thới					137,1		137,1		137,1		
-	UBND huyện Hòa Bình				411,3		(411,3)	-			UBND huyện Hòa Bình	
-	Xã Hòa Bình					137,1		137,1		137,1	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Mỹ					137,1		137,1		137,1		
-	Xã Vĩnh Hậu					137,1		137,1		137,1		
-	UBND huyện Phước Long				411,3		(411,3)	-			UBND huyện Phước Long	
-	Xã Phước Long					102,9		102,9		102,9	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Phước					102,8		102,8		102,8		
-	Xã Phong Hiệp					102,8		102,8		102,8		
-	Xã Vĩnh Thanh					102,8		102,8		102,8	UBND huyện Hồng Dân	
-	UBND huyện Hồng Dân				473,0		(473,0)	-				
-	Xã Hồng Dân					118,2		118,2		118,2		
-	Xã Vĩnh Lộc					118,2		118,2		118,2	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Ninh Thạnh Lợi					118,3		118,3		118,3		
-	Xã Ninh Quới					118,3		118,3		118,3		
-	UBND huyện Đông Hải				634,9		(634,9)	-			UBND huyện Đông Hải	UBND Huyện Đông Hải cũ được giao 634,9 triệu đồng, trong đó đã sử dụng: 411 triệu đồng; số còn lại phân bổ cho các xã sau hợp nhất 223,9
-	Số UBND huyện Đông Hải đã sử dụng					411,0		411,0		411,0	Sở Tài chính (Chuyển đổi số liệu NSNN khi thực hiện CQĐP 02 cấp)	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Các hoạt động kinh tế	Chi thường xuyên khác		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	11	
-	Xã Gành Hào					44,8		44,8		44,8	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Định Thành					44,8		44,8		44,8		
-	Xã An Trạch					44,8		44,8		44,8		
-	Xã Long Điền					44,8		44,8		44,8		
-	Xã Đông Hải					44,7		44,7		44,7		
-	UBND Thị Xã Giá Rai				473,0		(473,0)	-			UBND Thị Xã Giá Rai	
-	Phường Giá Rai					203,0		203,0		203,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Phường Láng Tròn					156,0		156,0		156,0		
-	Xã Phong Thạnh					114,0		114,0		114,0		
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	20473/30473	1.786,5	-	1.786,5	1.786,5	(1.786,5)	1.786,5	-	1.786,5		
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		1.354,8	-	1.354,8	1.354,8	(1.354,8)	1.354,8	-	1.354,8	Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan quản lý chung	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		195,0		195,0		(195,0)	-			UBND Thành phố Bạc Liêu	
-	Phường Bạc Liêu					65,0		65,0		65,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Phường Vĩnh Trạch					65,0		65,0		65,0		
-	Phường Hiệp Thành					65,0		65,0		65,0		
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		169,5		169,5		(169,5)	-			UBND huyện Vĩnh Lợi	
-	Xã Vĩnh Lợi					56,5		56,5		56,5	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Hưng Hội					56,5		56,5		56,5		
-	Xã Châu Thới					56,5		56,5		56,5		
-	UBND huyện Hòa Bình		169,5		169,5		(169,5)	-			UBND huyện Hòa Bình	
-	Xã Hòa Bình					56,5		56,5		56,5	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Mỹ					56,5		56,5		56,5		
-	Xã Vĩnh Hậu					56,5		56,5		56,5		
-	UBND huyện Phước Long		169,5		169,5		(169,5)	-			UBND huyện Phước Long	
-	Xã Phước Long					42,4		42,4		42,4	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Phước					42,4		42,4		42,4		
-	Xã Phong Hiệp					42,4		42,4		42,4		

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Các hoạt động kinh tế	Chi thường xuyên khác		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	11	
-	Xã Vĩnh Thanh					42,3		42,3		42,3		
-	UBND huyện Hồng Dân		195,0		195,0		(195,0)	-			UBND huyện Hồng Dân	
-	Xã Hồng Dân					48,8		48,8		48,8	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Vĩnh Lộc					48,8		48,8		48,8		
-	Xã Ninh Thạnh Lợi					48,7		48,7		48,7		
-	Xã Ninh Quới					48,7		48,7		48,7		
-	UBND huyện Đông Hải		261,3		261,3		(261,3)	-			UBND huyện Đông Hải	
-	Xã Gành Hào					52,3		52,3		52,3	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Xã Định Thành					52,3		52,3		52,3		
-	Xã An Trạch					52,3		52,3		52,3		
-	Xã Long Điền					52,2		52,2		52,2		
-	Xã Đông Hải					52,2		52,2		52,2		
-	UBND Thị Xã Giá Rai		195,0		195,0		(195,0)	-			UBND Thị Xã Giá Rai	
-	Phường Giá Rai					104,0		104,0		104,0	Giao UBND các xã, phường quyết định và quản lý chi	
-	Phường Láng Tròn					91,0		91,0		91,0		
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng		431,7	-	431,7	431,7	(431,7)	431,7	-	431,7		
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		57,7		57,7		(57,7)				Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		50,1		50,1		(50,1)					
-	UBND huyện Hòa Bình		50,1		50,1		(50,1)					
-	UBND huyện Phước Long		50,1		50,1		(50,1)					
-	UBND huyện Hồng Dân		57,7		57,7		(57,7)					
-	UBND huyện Đông Hải		65,1		65,1		(65,1)					
-	UBND Thị Xã Giá Rai		57,7		57,7		(57,7)					
-	Sở Y tế tỉnh Bạc Liêu		43,2		43,2		(43,2)				Sở Y tế tỉnh Bạc Liêu	
-	Sở Y tế tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp)		-			431,7		431,7		431,7	Sở Y tế chủ trì thực hiện Tiểu dự án tại 64 xã, phường trên địa bàn tỉnh	

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Các hoạt động kinh tế	Chi thường xuyên khác		
A	B	C	$l=2+3$	2	3	4	5	$6=7+...+10$	7	8	11	
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	20474/30474	2.485,0	-	2.485,0	2.485,0	(2.485,0)	2.485,0	-	2.485,0		
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		1.468,0	-	1.468,0	1.468,0	(1.468,0)	1.468,0	-	1.468,0		
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		201,0		201,0		(201,0)				Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		197,0		197,0		(197,0)					
-	UBND huyện Hòa Bình		197,0		197,0		(197,0)					
-	UBND huyện Phước Long		205,5		205,5		(205,5)					
-	UBND huyện Hồng Dân		217,5		217,5		(217,5)					
-	UBND huyện Đông Hải		240,0		240,0		(240,0)					
-	UBND Thị Xã Giá Rai		210,0		210,0		(210,0)					
-	Sở Giáo dục và Đào tạo					1.468,0		1.468,0		1.468,0	Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện tại 64 xã, phường trên địa bàn tỉnh	
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		1.017,0	-	1.017,0	1.017,0	(1.017,0)	1.017,0	-	1.017,0		
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		105,9		105,9		(105,9)				Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		72,4		72,4		(72,4)					
-	UBND huyện Hòa Bình		105,9		105,9		(105,9)					
-	UBND huyện Phước Long		105,9		105,9		(105,9)					
-	UBND huyện Hồng Dân		90,0		90,0		(90,0)					
-	UBND huyện Đông Hải		126,0		126,0		(126,0)					
-	UBND Thị Xã Giá Rai		105,9		105,9		(105,9)					
-	Sở Nội vụ Bạc Liêu		305,0		305,0		(305,0)				Sở Nội vụ Bạc Liêu	
-	Sở Nội vụ Cà Mau (sau sắp xếp)					1.017,0		1.017,0		1.017,0	Sở Nội vụ chủ trì; UBND các xã, phường phối hợp thực hiện	
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	20476/30476	276,5	-	276,5	276,5	(276,5)	276,5	-	276,5		
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin		40,5	-	40,5	40,5	(40,5)	40,5	-	40,5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện	
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		4,1		4,1		(4,1)					

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Các hoạt động kinh tế	Chi thường xuyên khác		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	11	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		3,6		3,6		(3,6)				Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Hòa Bình		3,6		3,6		(3,6)					
-	UBND huyện Phước Long		3,6		3,6		(3,6)					
-	UBND huyện Hồng Dân		4,1		4,1		(4,1)					
-	UBND huyện Đông Hải		5,4		5,4		(5,4)					
-	UBND Thị Xã Giá Rai		4,1		4,1		(4,1)					
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bạc Liêu		12,0		12,0		(12,0)				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bạc Liêu	
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cà Mau (sau sắp xếp)					40,5		40,5		40,5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; UBND các xã, phường phối hợp thực hiện	
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		236,0	-	236,0	236,0	(236,0)	236,0	-	236,0		
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		22,0		22,0		(22,0)				Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		19,2		19,2		(19,2)					
-	UBND huyện Hòa Bình		19,2		19,2		(19,2)					
-	UBND huyện Phước Long		19,2		19,2		(19,2)					
-	UBND huyện Hồng Dân		22,1		22,1		(22,1)					
-	UBND huyện Đông Hải		29,6		29,6		(29,6)					
-	UBND Thị Xã Giá Rai		22,1		22,1		(22,1)					
-	Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025		82,6		82,6		(82,6)				Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025	
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường					236,0		236,0		236,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND xã, phường phối hợp thực hiện	
V	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình	10477	986,2	-	986,2	986,2	(986,2)	986,2	-	986,2		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		674,2	-	674,2	674,2	(674,2)	674,2	-	674,2		
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		48,5		48,5		(48,5)					

TT	Danh mục	Mã CTMT	Tổng dự đã toán phân bổ năm 2025 (trước sắp xếp)	Trong đó		Dự toán điều chỉnh		Dự toán phân bổ năm 2025 (sau sắp xếp)	Chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Cà Mau cũ)	Dự toán đã phân bổ năm 2025 (Bạc Liêu)	Tăng (+)	Giảm (-)		Các hoạt động kinh tế	Chi thường xuyên khác		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8	11	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		42,1		42,1		(42,1)				Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Hòa Bình		42,1		42,1		(42,1)					
-	UBND huyện Phước Long		42,1		42,1		(42,1)					
-	UBND huyện Hồng Dân		48,5		48,5		(48,5)					
-	UBND huyện Đông Hải		65,1		65,1		(65,1)					
-	UBND Thị Xã Giá Rai		48,5		48,5		(48,5)					
-	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025		337,3		337,3		(337,3)				Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025	
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường					674,2		674,2		674,2	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND xã, phường phối hợp thực hiện	
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá		312,0	-	312,0	312,0	(312,0)	312,0	-	312,0		
-	UBND Thành phố Bạc Liêu		22,5		22,5		(22,5)				Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định và quản lý chi	
-	UBND huyện Vĩnh Lợi		19,5		19,5		(19,5)					
-	UBND huyện Hòa Bình		19,5		19,5		(19,5)					
-	UBND huyện Phước Long		19,5		19,5		(19,5)					
-	UBND huyện Hồng Dân		22,5		22,5		(22,5)					
-	UBND huyện Đông Hải		30,0		30,0		(30,0)					
-	UBND Thị Xã Giá Rai		22,5		22,5		(22,5)					
-	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025		156,0		156,0		(156,0)				Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025	
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường					312,0		312,0		312,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND xã, phường phối hợp thực hiện	